

PHỤ LỤC II
DANH MỤC THÔNG TIN CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG KẾT NỐI CHIA SẺ QUA CÔNG THÔNG TIN MỘT CỬA QUỐC GIA

Stt	Loại thông tin	Chi tiết thông tin	Hình thức cập nhật, trao đổi, chia sẻ			Thời điểm cập nhật	Bắt buộc	Mục đích sử dụng	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá	Đơn vị sử dụng	Ghi chú
	(Thông tin các Bộ, Ngành, UBND, các Tổ chức trao đổi, chia sẻ)	(Các chỉ tiêu cho từng loại thông tin)	Tư động (Tư động chia sẻ thông tin với hệ thống 1 cửa)	Truy vấn (Chức năng trên hệ thống một cửa để tìm kiếm, khai thác, kết xuất thông tin)	Cập nhật trực tiếp (Chức năng trên hệ thống 1 cửa để các Bộ/Ngành cập nhật thông tin trực tiếp)	(Quy định rõ thời điểm cập nhật, chia sẻ thông tin)	(Bắt buộc phải cung cấp, chia sẻ, cập nhật trên hệ thống 1 cửa)	(Mục đích sử dụng của các đơn vị Vụ/Cục đối với từng loại thông tin của Bộ/ Ngành/UBND và các Tổ chức)	(Cơ sở pháp lý của việc đề xuất)	(Đánh giá mức độ phù hợp về nội dung, cấp độ văn bản, kiến nghị...)	(Bộ/ Ngành được phép khai thác sử dụng) - Xem tại file Bảng mã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
A	Thông tin về chính sách quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa XNK							nt				
A.1	Thông tin về hàng hóa thuộc chính sách quản lý chuyên ngành							nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
1	Thông tin hàng hóa thuộc chính sách cấm XK, NK, cấm kinh doanh tạm nhập - tái xuất.	Số hiệu văn bản	x	x	x	Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm a.4 khoản 2 Điều 26 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Trích yếu	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày ban hành văn bản	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày hiệu lực	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số HS	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Xuất xứ hàng hóa	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
2	Thông tin hàng hóa thuộc chính sách tạm ngừng XK, NK, tạm ngừng kinh doanh tạm nhập - tái xuất	Số hiệu văn bản	x	x	x	Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm a.4 khoản 2 Điều 26 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Trích yếu	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày ban hành văn bản	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày hiệu lực	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số HS	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Xuất xứ hàng hóa	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x	x	nt					1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	

2	Thông tin các loại hàng hóa thuộc chính sách cấp giấy phép XK,NK, quá cảnh: - Nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn; - Nhập khẩu kim cương thô; - Xuất khẩu vật liệu nổ công nghiệp; - Xuất,nhập khẩu Tiền chất trong lĩnh vực công nghiệp; - Xuất, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ; - Xuất, nhập khẩu hóa chất Bảng 1, Bảng 2, Bảng 3 - Xuất nhập khẩu mô tô phân khối lớn - Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá, máy móc, thiết bị chuyên ngành sản xuất thuốc lá . - Xuất, nhập khẩu hàng hóa khác (nếu có)	Số hiệu văn bản	x	x	x	Y. Tái theo lô dữ liệu; Ôh hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Trích yếu	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Ngày ban hành văn bản	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Ngày hiệu lực	x	x	x	nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Tên hàng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Xuất xứ hàng hóa	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
4	Thông tin hàng hóa thuộc chính sách cấp giấy phép tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập	Số hiệu văn bản	x	x	x	Y. Tái theo lô dữ liệu; Ôh hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Trích yếu	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Ngày ban hành văn bản	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Ngày hiệu lực	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Tên hàng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Xuất xứ hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20

5	Thông tin hàng hóa thuộc chính sách cấp	Số hiệu văn bản	x	x	x	Y. Tái theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ- CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ- CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Trích yếu	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Ngày ban hành văn bản	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Ngày hiệu lực	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Tên hàng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Xuất xứ hàng hóa	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
6	Thông tin hàng hóa thuộc chính sách chi định doanh nghiệp nhập khẩu: Thuộc lá điều, xì gà	Số hiệu văn bản	x	x	x	Y. Tái theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ- CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ- CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Trích yếu	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Ngày ban hành văn bản	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Ngày hiệu lực	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Tên hàng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Xuất xứ hàng hóa	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20

7	Thông tin hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc chính sách chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy	Số hiệu văn bản	x	x	x	Y. Tái theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Trích yếu	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày ban hành văn bản	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày hiệu lực	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Xuất xứ hàng hóa	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
8	Thông tin hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc chính sách cấp Chứng nhận lưu hành	Số hiệu văn bản	x	x	x	Y. Tái theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	nt	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Trích yếu	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày ban hành văn bản	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày hiệu lực	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Xuất xứ hàng hóa	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20

9	Thông tin hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc chính sách về kiểm tra chất lượng	Số hiệu văn bản	x	x	x	Y. Tái theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	nt	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 6. Các cách số 5 tại Điểm d khoản 3 Điều 1 Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 phê duyệt Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Trích yếu	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Ngày ban hành văn bản	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Ngày hiệu lực	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Tên hàng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Xuất xứ hàng hóa	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
10	Thông tin hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc chính sách về kiểm tra an toàn thực phẩm	Số hiệu văn bản	x	x	x	Y. Tái theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	nt	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 6. Các cách số 5 tại Điểm d khoản 3 Điều 1 Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 phê duyệt Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Trích yếu	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Ngày ban hành văn bản	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Ngày hiệu lực	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Tên hàng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Xuất xứ hàng hóa	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20

11	Thông tin hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc chính sách về kiểm tra hiệu suất năng lượng tối thiểu, dán nhãn năng lượng	Số hiệu văn bản	x	x	x	Y. Tái theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	nt	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Trích yếu	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày ban hành văn bản	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày hiệu lực	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Xuất xứ hàng hóa	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
12	Thông tin hàng hóa thuộc chính sách kiểm tra điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu	Số hiệu văn bản	x	x	x	Y. Tái theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	nt	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Trích yếu	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày ban hành văn bản	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày hiệu lực	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20

		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Xuất xứ hàng hóa	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
13	Thông tin hàng hóa thuộc chính sách kiểm tra nguồn gốc hợp pháp (khoáng sản xuất khẩu, than xuất khẩu)	Số hiệu văn bản	x	x	x	Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	nt	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Trích yếu	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày ban hành văn bản	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày hiệu lực	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên hàng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Xuất xứ hàng hóa	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
14	Thông tin hàng hóa thuộc chính sách khai báo hóa chất nhập khẩu	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	nt	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Trích yếu	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày ban hành văn bản	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày hiệu lực	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên hàng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Xuất xứ hàng hóa	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	

15	Thông tin hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc quản lý chuyên ngành khác (nếu có)	Số hiệu văn bản	x	x	x	Y. Tái theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	nt	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Trích yếu	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Ngày ban hành văn bản	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Ngày hiệu lực	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Tên hàng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Xuất xứ hàng hóa	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
B	Thông tin về quy trình thủ tục, hồ sơ phải nộp đối với hàng hóa XK, NK thuộc diện quản lý chuyên ngành							nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
16	Thông tin quy trình, hồ sơ cấp giấy phép XK,NK, giấy phép XNK tự động - Giấy phép nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-đôn; - Giấy phép nhập khẩu kim cương thô; - Giấy phép xuất khẩu vật liệu nổ công nghiệp; - Giấy phép xuất, Giấy phép nhập khẩu Tiền chất trong lĩnh vực công nghiệp; - Giấy phép xuất, Giấy phép nhập khẩu tiền chất thuốc nổ; - Giấy phép xuất, Giấy phép nhập khẩu hóa chất Bảng 1, Bảng 2, Bảng 3 - Giấy phép xuất Giấy phép nhập khẩu mô tô phân khối lớn - Giấy phép nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá, máy móc, thiết bị chuyên ngành sản xuất thuốc lá.	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Trích yếu	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Tên hàng						nt			
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)						nt			
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Xuất xứ hàng hóa									
		Nội dung quy định về trình tự thủ tục;	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Hồ sơ phải nộp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Thời gian thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Cơ quan có thẩm quyền thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20

17	Thông tin quy trình thủ tục, hồ sơ cấp giấy phép tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập	Số hiệu văn bản	x	x	x	Y. Tái theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày ban hành văn bản	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Trích yếu	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày hiệu lực	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số HS	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Xuất xứ hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nội dung quy định về trình tự thủ tục;	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Hồ sơ phải nộp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Thời gian thực hiện	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Cơ quan có thẩm quyền thực hiện	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
18	Thông tin quy trình thủ tục, hồ sơ cấp giấy phép hạn ngạch XNK/hạn ngạch thuế quan	Số hiệu văn bản	x	x	x	Y. Tái theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày ban hành văn bản	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Trích yếu	x	x	x	nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày hiệu lực	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20

		Mã số HS	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Xuất xứ hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nội dung quy định về trình tự thủ tục;	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Hồ sơ phải nộp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thời gian thực hiện	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Cơ quan có thẩm quyền thực hiện	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
19	Thông tin quy trình, hồ sơ thực hiện thủ tục chi định doanh nghiệp nhập khẩu : - Thuốc lá điếu, xì gà; - Hàng hóa khác (nếu có).	Số hiệu văn bản	x	x	x	Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyển ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyển ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày ban hành văn bản	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Trích yếu	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày hiệu lực	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên hàng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã số HS	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Xuất xứ hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nội dung quy định về trình tự thủ tục;	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Hồ sơ phải nộp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thời gian thực hiện	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Cơ quan có thẩm quyền thực hiện	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
20	Thông tin quy trình, hồ sơ thực hiện thủ tục công bố hợp quy, chứng nhận hợp quy	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyển ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyển ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyển ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyển ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	

		Trích yếu	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên hàng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã số HS	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Xuất xứ hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nội dung quy định về trình tự thủ tục;	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Hồ sơ phải nộp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thời gian thực hiện	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Cơ quan có thẩm quyền thực hiện	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
21	Thông tin quy trình,thủ tục, hồ sơ cấp giấy chứng nhận lưu hành hàng hóa nhập khẩu	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Trích yếu	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Xuất xứ hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nội dung quy định về trình tự thủ tục;	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Hồ sơ phải nộp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thời gian thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Cơ quan có thẩm quyền thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	

22	Thông tin quy trình, thủ tục, hồ sơ kiểm tra chất lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Trích yếu	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Xuất xứ hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nội dung quy định về trình tự thủ tục;	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Hồ sơ phải nộp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,21
		Thời gian thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,22
		Cơ quan có thẩm quyền thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,23
23	Thông tin quy trình, hồ sơ, thủ tục kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Trích yếu	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Xuất xứ hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20

		Nội dung quy định về trình tự thủ tục;	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Hồ sơ phải nộp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,21	
		Thời gian thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,22	
		Cơ quan có thẩm quyền thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,23	
24	Thông tin quy trình, hồ sơ thủ tục dân nhân năng lượng và áp dụng năng lượng tối thiểu đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tài theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Trích yếu	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Xuất xứ hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nội dung quy định về trình tự thủ tục;	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Hồ sơ phải nộp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,21	
		Thời gian thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,22	
		Cơ quan có thẩm quyền thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,23	
25	Thông tin quy trình thủ tục, hồ sơ khai báo hóa chất nhập khẩu	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tài theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Trích yếu	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	

		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Xuất xứ hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nội dung quy định về trình tự thủ tục;	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Hồ sơ phải nộp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 21	
		Thời gian thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 22	
		Cơ quan có thẩm quyền thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 23	
26	Thông tin quy trình, hồ sơ thực hiện thủ tục quản lý chuyên ngành khác	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Trích yếu	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Xuất xứ hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nội dung quy định về trình tự thủ tục;	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Hồ sơ phải nộp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 21	
		Thời gian thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 22	
		Cơ quan có thẩm quyền thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 23	
27	Thông tin về quy chuẩn kỹ thuật đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu thuộc quản lý của Bộ Công thương.	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	

		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Trích yếu	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Số TCVN/QCVN	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,21	
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,22	
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nội dung tiêu chuẩn/quy chuẩn	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Phương pháp thử	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thông tin khác	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
C	Nhóm thông tin về kết quả thực hiện thủ tục hành chính cấp phép, kiểm tra chuyên ngành xuất nhập khẩu							nt				
28	<p>Thông tin về các lô hàng/doanh nghiệp được cấp giấy phép XK, NK, quá cảnh</p> <p>- Kết quả cấp Giấy phép nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn;</p> <p>- Kết quả cấp Giấy phép nhập khẩu kim cương thô;</p> <p>- Kết quả cấp Giấy phép xuất khẩu vật liệu nổ công nghiệp;</p> <p>- Kết quả cấp Giấy phép xuất, Giấy phép nhập khẩu tiền chất thuốc nổ;</p> <p>- Kết quả cấp Giấy phép xuất, Giấy phép nhập khẩu hóa chất Bảng 1, Bảng 2, Bảng 3</p> <p>- Kết quả cấp Giấy phép xuất, Giấy phép nhập khẩu mô tô phân khối lớn</p> <p>- Kết quả cấp Giấy phép nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá, máy móc, thiết bị chuyên ngành sản xuất thuốc lá</p>	Số Giấy phép	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	<p>1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015;</p> <p>2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015;</p> <p>3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;</p> <p>4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;</p> <p>5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu</p>	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày giấy phép	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thời hạn hiệu lực của Giấy phép	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã số HS	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã số Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Số lượng/khối lượng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Số vận đơn	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Số hóa đơn	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Số hợp đồng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Cửa khẩu xuất/nhập	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	

		Số tờ khai hải quan	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thông tin khác (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
29	Thông tin về kết quả các lô hàng/doanh nghiệp đã được cấp giấy phép hạn ngạch XNK/ hạn ngạch thuế quan	Số Giấy phép	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày giấy phép	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thời hạn hiệu lực của Giấy phép	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Loại hạn ngạch: hạn ngạch thuế quan/hạn ngạch XNK						nt				
		Tên hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã số HS	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã số Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Số lượng/khối lượng hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thông tin khác (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
30	Thông tin về doanh nghiệp được chỉ định nhập khẩu thuộc lá điều, xi gà	Số văn bản quy định	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	nt	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã số HS,	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã số Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên Doanh nghiệp	x		x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	

31	Thông tin về kết quả lô hàng/doanh nghiệp đã được cấp số đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra chất lượng (đạt/không đạt)	Số đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhất, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 6. Các cách số 5 tại Điểm d khoản 3 Điều 1 Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 phê duyệt Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Ngày đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Tên hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Mã số HS	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Số lượng/khối lượng hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Mã số Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Tên Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Số Tờ khai hải quan (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Kết quả kiểm tra: đạt/không đạt	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Thông tin khác (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
32	Thông tin về kết quả lô hàng/doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu đã được cấp số đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra an toàn thực phẩm (đạt/không đạt)	Số đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhất, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 6. Các cách số 5 tại Điểm d khoản 3 Điều 1 Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 phê duyệt Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Ngày đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Tên hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Mã số HS	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Số lượng/khối lượng hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Mã số Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20

		Tên Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Số Tờ khai hải quan (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Kết quả kiểm tra: đạt/không đạt	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Thông tin khác (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
33	Thông tin về kết quả lô hàng/doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bán công bố sản phẩm về an toàn thực phẩm	Số đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	nt	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 6. Các cách số 5 tại Điểm d khoản 3 Điều 1 Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 phê duyệt Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số HS	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Số lượng/khối lượng hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Số Tờ khai hải quan (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Kết quả kiểm tra: đạt/không đạt	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Thông tin khác (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
34	Thông tin về kết quả lô hàng/doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu đã có kết quả thực hiện thủ tục công bố hợp quy, chứng nhận hợp quy	Số đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20

		Mã số HS	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Số lượng/khối lượng hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Số Từ khai hải quan (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Kết quả kiểm tra: đạt/không đạt	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Thông tin khác (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
35	Thông tin về lô hàng/doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu đã có kết quả thực hiện thủ tục kiểm tra hiệu suất năng lượng tối thiểu, dán nhãn năng lượng (đạt/không đạt)	Số đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số HS	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Số lượng/khối lượng hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có)	x	x	x	nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Số Từ khai hải quan (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Kết quả kiểm tra: đạt/không đạt	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Thông tin khác (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
36	Thông tin về lô hàng/doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu được cấp Giấy chứng nhận lưu hành	Số đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20

		Tên hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số HS	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số lượng/khối lượng hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số Từ khai hải quan (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Kết quả kiểm tra: đạt/không đạt	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thông tin khác (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
37	Thông tin về lô hàng/doanh nghiệp đã có kết quả thực hiện kiểm tra nguồn gốc hợp pháp (khoảng sản xuất khẩu, than xuất khẩu)	Số đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số HS,	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số lượng/khối lượng hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số Từ khai hải quan (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Kết quả kiểm tra: đạt/không đạt	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thông tin khác (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
38	Thông tin về lô hàng/doanh nghiệp đã có kết quả thực hiện khai báo hóa chất	Số đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	

		Mã số HS,	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số lượng/khối lượng hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số Từ khai hải quan (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Kết quả kiểm tra: đạt/không đạt	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thông tin khác (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
39	Thông tin về lô hàng/doanh nghiệp đã có kết quả thực hiện thủ tục quản lý chuyên ngành khác	Số đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số HS	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số lượng/khối lượng hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số Từ khai hải quan (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Kết quả kiểm tra: đạt/không đạt	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thông tin khác (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
40	Thông tin về lô hàng, doanh nghiệp được Bộ Công thương xác nhận thuộc diện miễn kiểm tra chuyên ngành	Tên hàng hóa	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số HS,	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	

		Mã số DN	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Tên Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Thông tin khác (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
41	Danh sách các mặt hàng của các doanh nghiệp được áp dụng phương thức kiểm tra tra giảm/áp dụng phương thức kiểm tra chặt	Tên hàng hóa	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Mã số HS,	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Mã số Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Tên Doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có)	x	x	x	nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Thông tin khác (nếu có)	x	x	x	nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
42	Thông tin về hàng hóa, doanh nghiệp thuộc đối tượng cảnh báo nguy cơ vi phạm về chất lượng, an toàn thực phẩm của Bộ Công thương hoặc của cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài hoặc của nhà sản xuất thuộc quản lý của Bộ Công thương	Số hiệu văn bản	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Khoản 3 Điều 27 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Cải cách số 5 tại Điểm d khoản 3 Điều 1 Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 phê duyệt Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Ngày ban hành văn bản	x	x	x	nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Trích yếu văn bản	x	x	x	nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Tên hàng hóa	x	x	x	nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Mã HS	x	x	x	nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Xuất xứ hàng hóa	x	x	x	nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Mã số DN	x	x	x	nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Tên DN	x	x	x	nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Nội dung cảnh báo	x	x	x	nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Biện pháp quản lý	x	x	x	nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	

43	Thông tin về tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được chỉ định/ thừa nhận theo quy định của pháp luật	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tài theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x		1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày văn bản	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số thuế	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên tổ chức được thừa nhận/chỉ định hoặc Cơ sở kiểm nghiệm do Bộ CT chỉ định, thừa nhận	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Địa chỉ tổ chức	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Hàng hóa được chỉ định/thừa nhận	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
44	Thông tin về Tổ chức có thẩm quyền của nước đã ký kết Điều ước quốc tế thừa nhận lẫn nhau trong hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm mà Việt Nam là thành viên	Tên tổ chức	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Văn bản quy định (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
45	Thông tin về cơ sở áp dụng một trong các hệ thống quản lý chất lượng GMP, HACCP, ISO 22000, IFS, BRC, FSSC 22000 hoặc tương đương: tên cơ sở, hàng hóa.	Tên cơ sở	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Hệ thống chất lượng áp dụng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Văn bản quy định (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
D	Thông tin về hàng hóa áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại											
46	Hàng hóa áp dụng chính sách thuế chống bán phá giá	Số hiệu văn bản	x	x	x	Y. Tài theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành (9)	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày ban hành văn bản	x	x	x	nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Trích yếu	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày hiệu lực áp dụng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thời gian áp dụng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số HS	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mô tả, đặc tính hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nước Xuất xứ	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mức thuế	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thủ tục, hồ sơ kiểm tra	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
47	Hàng hóa áp dụng chính sách thuế thuế tự vệ	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tài theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm a.4 khoản 2 Điều 26 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	

		Ngày ban hành văn bản	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày hiệu lực áp dụng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thời gian áp dụng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số HS	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mô tả, đặt tính hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mức thuế	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nước Xuất xứ	x	x	x	nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thủ tục, hồ sơ kiểm tra	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
48	Hàng hóa áp dụng chính sách thuế chống trợ cấp	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tài theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm a.4 khoản 2 Điều 26 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày hiệu lực áp dụng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thời gian áp dụng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nước Xuất xứ	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mức thuế	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thủ tục, hồ sơ kiểm tra	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
49	Hàng hóa áp dụng chính sách thuế chống lẩn tránh phòng vệ thương mại	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tài theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm a.4 khoản 2 Điều 26 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày hiệu lực áp dụng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thời gian áp dụng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mô tả, đặt tính hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nước Xuất xứ	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mức thuế	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thủ tục, hồ sơ kiểm tra	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
50	Thông tin về hàng hóa/doanh nghiệp được miễn trừ áp dụng phòng vệ thương mại (thuế tư vệ, thuế bán pháp giá, thuế chống trợ cấp...)	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tài theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm a.4 khoản 2 Điều 26 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	

		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	(9)			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Hiệu lực áp dụng	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thời gian áp dụng	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mô tả, đặc tính hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nước Xuất xứ	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Lý do miễn trừ	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
51	Thông tin về hàng hóa, doanh nghiệp thuộc đối tượng cảnh báo nguy cơ vi phạm về áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại (trốn thuế, khai báo sai thông tin hàng hóa thuộc diện áp dụng thuế CBPG, tự vệ, chống trợ cấp...)	Mã số DN	x	x		Y. Tài theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biên giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm a.4 khoản 2 Điều 26 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	2, 19B	
		Tên DN	x	x		nt	x	nt			2, 19B	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt			2, 19B	
		Tên hàng hóa	x	x		nt	x	nt			2, 19B	
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			2, 19B	
		Nước Xuất xứ	x	x		nt	x	nt			2, 19B	
		Phương thức thủ đoạn (nếu có)	x	x		nt	x	nt			2, 19B	
		Thông tin khác	x	x		nt	x	nt			2, 19B	
50	Thông tin về hàng hóa quản lý theo hạn ngạch thuế quan/ hạn ngạch XNK							nt	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
52	Thông tin về lượng hạn ngạch thuế quan/ hạn ngạch XNK	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tài theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biên giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Loại hạn ngạch: hạn ngạch thuế quan/hạn ngạch XNK						nt				
		Tên hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	

		Lượng/trị giá hàng hóa cấp hạn ngạch theo năm	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thông tin khác (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
53	Thông tin về hàng hóa/doanh nghiệp được cấp Giấy phép hạn ngạch thuế quan/hạn ngạch XNK	Số giấy phép hạn ngạch	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngày khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày ban hành Giấy phép	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Hiệu lực của giấy phép	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Loại hạn ngạch: hạn ngạch thuế quan/hạn ngạch XNK	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Lượng/trị giá hàng hóa cấp hạn ngạch theo năm	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thông tin khác (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
E	Thông tin liên quan đến xuất xứ hàng hóa							nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
54	Thông tin về quy trình, thủ tục, chính sách đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tự chứng nhận xuất xứ	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tài theo lô dữ liệu; Ôn hàng ngày	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm a.4 khoản 2 Điều 26 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Trích yếu	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mẫu chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mẫu chữ ký C/O	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mẫu dấu C/O	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nội dung quy định về trình tự thủ tục; chính sách	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Hồ sơ DN phải nộp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thời gian thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Cơ quan có thẩm quyền thực hiện	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
55	Thông tin về quy trình, thủ tục, chính sách đối với hàng hóa xuất nhập khẩu đề nghị cấp C/O	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tài theo lô dữ liệu; Ôn hàng ngày	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm a.4 khoản 2 Điều 26 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	

		Trích yếu	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mẫu chứng từ chứng nhận/tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mẫu chữ ký C/O	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mẫu dấu C/O	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nội dung quy định về trình tự thủ tục; chính sách	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Hồ sơ DN phải nộp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thời gian thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Cơ quan có thẩm quyền thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
56	Thông tin về lô hàng/doanh nghiệp được cấp C/O Việt Nam để xuất khẩu đi các nước	Số C/O	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biên giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm a.4 khoản 2 Điều 26 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày cấp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Form C/O	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nước cấp C/O	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên nhà xuất khẩu	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên nhà nhập khẩu	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Cảng xếp hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Cảng dỡ hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên phương tiện vận tải	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã HS										
		Mô tả hàng hóa, ký hiệu										
		Tiêu chí xuất xứ										
		Số hóa đơn										
		Trọng lượng/khối lượng hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thông tin khác (hóa đơn nước thứ 3, hóa đơn nước thứ 3, de minimis, cấp sau, cộng gộp, back-to-back C/O...)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
57	Thông tin về lô hàng/doanh nghiệp tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa	Số C/O	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biên giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm a.4 khoản 2 Điều 26 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày cấp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Form C/O	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nước cấp C/O	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên doanh nghiệp tự chứng nhận C/O	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	

		Tên nhà xuất khẩu	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên nhà nhập khẩu	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Cảng xếp hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Cảng dỡ hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên phương tiện vận tải	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã HS										
		Tiểu chỉ xuất xứ										
		Số hóa đơn										
		Số lượng/khối lượng hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thông tin khác (hóa đơn nước thứ 3, hóa đơn nước thứ 3, de minimis, cấp sau, cộng gộp, back-to-back C/O...)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
58	Thông tin về lô hàng/doanh nghiệp bị từ chối cấp C/O do không đáp ứng điều kiện	Số văn bản từ chối	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biến giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phần tích rủi ro liên tục	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm a.4 khoản 2 Điều 26 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	2, 11,18, 19A, 19B	
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			2, 11,18, 19A, 19B	
		Mã số thuế DN	x	x		nt	x	nt			2, 11,18, 19A, 19B	
		Tên doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt			2, 11,18, 19A, 19B	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt			2, 11,18, 19A, 19B	
		Lý do từ chối cấp C/O	x	x		nt	x	nt			2, 11,18, 19A, 19B	
		Thông tin khác (nếu có)	x	x		nt	x	nt			2, 11,18, 19A, 19B	
58	Thông tin về lô hàng/doanh nghiệp bị thu hồi CO	Số văn bản	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biến giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phần tích rủi ro liên tục	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm a.4 khoản 2 Điều 26 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	2, 11,18, 19A, 19B	
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt	nt	nt	2, 11,18, 19A, 19B	
		Mã số thuế DN	x	x		nt	x	nt	nt	nt	2, 11,18, 19A, 19B	
		Tên doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt	nt	nt	2, 11,18, 19A, 19B	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt	nt	nt	2, 11,18, 19A, 19B	
		Lý do rút C/O	x	x		nt	x	nt	nt	nt	2, 11,18, 19A, 19B	
		Tên hàng	x	x		nt	x	nt	nt	nt	2, 11,18, 19A, 19B	
		Mã HS										
		Mô tả hàng hóa, ký hiệu										
		Số lượng/khối lượng hàng hóa										
		Tiểu chỉ xuất xứ										
		Số hóa đơn										
		Xuất xứ hàng hóa	x	x		nt	x	nt	nt	nt	2, 11,18, 19A, 19B	
		Phương thức thủ đoạn	x	x		nt	x	nt	nt	nt	2, 11,18, 19A, 19B	
		Mã số thuế DN	x	x		nt	x	nt	nt	nt	2, 11,18, 19A, 19B	
		Tên doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt	nt	nt	2, 11,18, 19A, 19B	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt	nt	nt	2, 11,18, 19A, 19B	
		Thông tin khác (nếu có)	x	x		nt	x	nt	nt	nt	2, 11,18, 19A, 19B	
59	Thông tin cảnh báo về gian lận xuất xứ hàng hóa, hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	Tên hàng	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biến giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phần tích rủi ro liên tục	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm a.4 khoản 2 Điều 26 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	2, 11,18, 19A, 19B	

		Mã HS	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biên giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm a 4 khoản 2 Điều 26 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	2, 11,18, 19A, 19B		
		Xuất xứ hàng hóa	x	x		nt	x	nt				2, 11,18, 19A, 19B	
		Phương thức thủ đoạn	x	x		nt	x	nt				2, 11,18, 19A, 19B	
		Mã số thuế DN	x	x		nt	x	nt				2, 11,18, 19A, 19B	
		Tên doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt				2, 11,18, 19A, 19B	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x		nt	x					2, 11,18, 19A, 19B	
60	Thông tin vi phạm pháp luật hành chính của tổ chức (có thực hiện hoạt động XNK, XNC) do Bộ Công thương phát hiện, xử lý		x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới		C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biên giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	Điều 27. Luật công nghệ thông tin 2006 Phụ lục kèm theo Thông tư liên tịch số 198/2009/TTLT-BTC-BCT-BKH ngày 09/10/2009 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương - Bộ Kế hoạch Đầu tư Hướng dẫn việc trao đổi, cung cấp thông tin liên quan đến người nộp thuế trong lĩnh vực quản lý nhà nước về thuế, hải quan, đầu tư, thương mại và công nghiệp	Chưa có, đề nghị đưa vào Nghị định này.	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20		
		Số quyết định						nt				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Ngày quyết định						nt				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Đơn vị ra quyết định						nt				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Tên tổ chức						nt				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Mã số thuế						nt				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Hành vi vi phạm						nt				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Tên hàng hóa						nt				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Mã HS						nt				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Thuộc Tờ khai hải quan số(nếu có)						nt				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Hình thức xử phạt (chính, bổ sung)						nt				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Số tiền xử phạt	x	x				nt				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Biện pháp khắc phục hậu quả	x	x				nt				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
61	Thông tin vi phạm pháp luật hành chính của cá nhân (có thực hiện hoạt động XNK, XNC) do Bộ Công thương phát hiện, xử lý		x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới		C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biên giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	Điều 27. Luật công nghệ thông tin 2006 Phụ lục kèm theo Thông tư liên tịch số 198/2009/TTLT-BTC-BCT-BKH ngày 09/10/2009 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương - Bộ Kế hoạch Đầu tư Hướng dẫn việc trao đổi, cung cấp thông tin liên quan đến người nộp thuế trong lĩnh vực quản lý nhà nước về thuế, hải quan, đầu tư, thương mại và công nghiệp	Chưa có, đề nghị đưa vào Nghị định này.	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20		
		Số quyết định	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới		C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biên giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	

		Ngày quyết định	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biến giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục		1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Đơn vị ra quyết định	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biến giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục		1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên người vi phạm	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biến giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục		1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số CMND/CCCD/HC	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biến giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục		1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số thuế (nếu có)	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biến giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục		1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Hành vi vi phạm	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biến giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục		1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng hóa	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biến giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục		1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	

		Mã HS	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biến giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thuộc Tờ khai hải quan số (nếu có)	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biến giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Hình thức xử phạt (chính, bổ sung)	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biến giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số tiền xử phạt	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biến giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Biện pháp khắc phục hậu quả	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biến giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
62	Kết luận thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với tổ chức, cá nhân (có hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh)		x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biến giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	Điều 27 Luật Công nghệ thông tin năm 2006	Chưa có, đề nghị đưa vào Nghị định này.	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số thuế/CMND/CCCD/HC					nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên doanh nghiệp/cá nhân					nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số quyết định					nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày quyết định					nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thời gian tiến hành thanh tra					nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nội dung thanh tra, kiểm tra					nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	

		Kết luận (Vi phạm / không vi phạm)						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nội dung kết luận						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
63	Thông tin danh sách doanh nghiệp được cấp mã số kinh doanh tạm nhập – tái xuất theo quy định tại Nghị định 69/2018/NĐ-CP	Tên doanh nghiệp	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	Điều 26 nghị định 69/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUẢN LÝ NGOẠI THƯƠNG	phù hợp	1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20	
		Mã số doanh nghiệp	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 20	
		Mã số kinh doanh TNTX	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 20	
		Tên hàng/mô tả hàng hóa	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 20	
		Mã số hàng hóa (HS)	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 20	
		Cửa khẩu Nhập/Xuất	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 20	
		Thông tin khác	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 20	
64	Thông tin các dự án quan trọng quốc gia	Tên dự án	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	Điểm a, Khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2015/NĐ-CP Quy định chi tiết và Biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan Hải quan.	Chưa rõ ràng	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mức đầu tư của dự án	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thời gian thực hiện dự án	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	

		Thời gian hoàn thành dự án	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên chủ đầu tư	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số thuế	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
65	Thông tin các doanh nghiệp thực hiện dự án quan trọng quốc gia	Tên doanh nghiệp	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	Điểm a, Khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2015/NĐ-CP	Chưa rõ ràng	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số doanh nghiệp	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Địa chỉ	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên dự án	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
66	Thông tin danh sách doanh nghiệp bị thu hồi mã số kinh doanh tạm nhập - tái xuất theo quy định tại Nghị định 69/2018/NĐ-CP	Tên doanh nghiệp	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	Điều 28 Nghị định 69/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.	Phù hợp	1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20	
		Mã số doanh nghiệp	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 20	
		Mã số kinh doanh TNTX	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 20	
		Tên hàng/mô tả hàng hóa	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 20	

		Số quyết định thu hồi	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính		1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 20	
		Ngày quyết định	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính		1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 20	
		Lý do thu hồi	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính		1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 20	